

Số HS	Họ tên	LỚP 10											LỚP 11											LỚP 12											Điểm TNCĐ
		TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	
1	Nguyễn Thị Trúc Linh	5,3	6,2	6,7		8,2	7,9	6,9	8,4	0		Khá	5,9	6,8	5,3		7,9	7,5	6,8	5,5	0		Khá	6,5	7,9	6,3		8,2	8,6	8,7	7,7	0		Khá	3,07
2	Đoàn Tấn Lợi	6,2		6,7	6,3				3,6			TB	7		6,4	7,4				5,2			Khá	7,5		6,8	7,2				6,1			Khá	2,76
4	Phạm Thành Nam	5		3,1	6				5,6			Yếu	4,5		3,9	6,3				6,1			TB	7,3		6,1	7,3				5,6			Khá	2,61
5	Cao Trần Ngọc Ánh	8				7,3	8,4	8,1	7,5			Khá	8,2				7,6	8,7	8,4	7,7			Giỏi	8,8				8,5	7	8,3	7,3			Giỏi	3,22
6	Tạ Thị Như	6,5	5,3	6,1	6,6				3,7			TB	4,9	5,8	5,4	6,8				5,6			TB	6,8	6,5	6,8	6,8				6,5			Khá	3
7	Nguyễn Đăng Khoa	5,9	5,6	7		6,4	7,5	6,2	5,9	0		TB	4,8	6,6	6,4		5,4	8,7	6,5	5,5	0		TB	6,2	6,8	6,5		7	7,6	6,9	6,1	0		Khá	2,85
8	Đỗ Việt Tân	7,1	7,2	6,5		6,8	8	7	5,5	8,4		Khá	7,4	6,6	6,4		5,9	7,8	8,6	6,7	8,4		Khá	6,8	5,9	6,4		7,1	7,5	7,6	6,8	9,3		Khá	2,97
9	Trần Thị Duyên	7,1	5,8	4,8		7,4	7,8	6,6	5,8	0		TB	5,7	6,3	5,2		7,1	9,1	6,7	5	0		Khá	6,8	6,2	6,5		7,4	7,9	7	5,6	0		Khá	2,99
10	Trần Thị Tú Linh	6,8				7,4	7,6	8,8	7			Khá	7,1				6,6	8,3	7,8	7,9			Khá	8,3				7,2	6,7	7,9	7,2			Khá	2,58
11	Trần Thanh Thảo Nguyên	4,1				6,3	7,3	6,4	6,9			TB	5,4				6	7	6,7	6,7			TB	7,8				7,2	7,2	7,4	6,9			Khá	3,11
12	Dương Thị Ý Nhi	6	5,2	4,5		6,2			5,3			TB	5,5	5,2	4,6		6,2			5,2			TB	6	5,7	5,8		7,4			5,4			Khá	2,81
14	Võ Quốc Đạt	5	3,5	3,6	4,2				5,4			Yếu	6,2	6	4,2	8,2				6,2			Yếu	5,3	8,1	7,7	6,3				5,7			Khá	2,27
16	Nguyễn Thị Tú Uyên	4,1				6,9	7,8	6,2	6,9			TB	4,1				6,4	6,5	6,9	7,4			TB	6,3				6,6	6	7,2	5			TB	2,53
18	Nguyễn Thị Trúc Ngân	6,4	6	5,1		6,4			6,1			TB	6	5,7	4,3		6,9			5,8			TB	6,5	5,2	5,1		7,3			5			Khá	2,59
19	Nguyễn Văn Hiệp	7				5,4	8,2	8	6,4			Khá	6,6				7,9	9	8,6	6,5			Khá	8,4				8,3	7,5	7,8	7,7			Giỏi	3,26
20	Nguyễn Thị Thanh Ngân	7,5	6,9	5,1		7	7,4	8,6	5,7	0		Khá	6	6,3	5		6,8	8,6	7,8	6,5	0		Khá	7,3	6,7	6,7		7,6	8,3	9,1	6,2	0		Khá	2,83
21	Huỳnh Tiến Thông	6,6		5,4	5				4,1			TB	4,8		6,2	6,4				5,3			TB	6,3		6,2	5,6				6,4			TB	2,84
22	Phạm Văn Hòa	4,2		4,8	4,2				3,3			Yếu	4,4		4,7	5,3				5,5			TB	5,4		6,6	6,9				4,7			TB	2,04
24	Thái Kim Kha	7,2	7,2	7		6,5	8	7,7	8,3	0		Khá	7,2	7,1	8,3		6,6	7,6	6,7	7,3	0		Khá	8,2	7,4	7,6		7,3	6,5	6,6	7,1	0		Khá	2,9
25	Phạm Minh Bảo	6,5	7,2	7,6					5,6			Khá	6	6,7	7,1					6,1			Khá	6,6	5,7	8,2					6,1			Khá	2,74
26	Phạm Công Phương	7,5	5,8	6,3		7,5			5,5			Khá	6,9	6	7,2		5,8			5,3			Khá	6,5	6,7	7,4		6,6			5			Khá	3,04
27	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	6,4				6,2	8,3	8,3	8,3			TB	6				6,9	7,5	7,4	8,3			Khá	6,4				6,7	7,9	7,4	7,1			Khá	2,25
28	Ngô Thị Tường Vi	7,5	7,3	6,7		7,1			5,7			Khá	5,9	6,6	6,1		7,1			7,1			Khá	6,9	7,4	6,6		8			5,6			Khá	3,07
29	Trương Bích Thùy Nhỏ	6,8				6,5	6,5	6,6	6,4			Khá	6,3				6	5,9	6,4	6,4			TB	6,3				6,1	6,3	4,6	5,7			TB	2,46
30	Nguyễn Minh Tổ Mỹ Lan Hu	6,1	6	6		7	8	8,8	5,5	0		Khá	6,4	6,7	5,6		7,9	8,6	8,1	6,7	0		Khá	5,9	6,5	5,9		8,2	8,6	8,3	7,1	0		Khá	3,19
31	Đặng Nguyễn Thịnh	5	3,8	4,3					7,1			Yếu	3,7	3,5	3,7					3,5			TB	7,4	5,7	6,4					5,7			Khá	2,99
32	Hồ Anh Đào	5,5	7,4	6,4	6,2				5,6			Khá	5,9	5,3	4,8	5,4				5,2			TB	6,5	6	7,8	7,5				6,3			Khá	2,31
33	Dương Minh Thành	5,1	6	5,5		6			6			TB	7,3	7,9	5,6		6,9			5,9			Khá	7	6,7	7,5		6,5			5,3			Khá	3,32
34	Bùi Thị Hữu Nhân	5	5,2	5	6,8				3,8			TB	6,3	5,3	5,9	5,5				4,7			TB	7,2	7,4	7,6	6				6,1			Khá	2,86
35	Nguyễn Thị Bé Bi	3,6	5,3	4,5		7,2	7,5	6,7	5,1	0		TB	5	5	5,7		6,5	7,3	8,1	5	0		Khá	5,7	5	6,7		7,3	8,6	7,9	5,7	0		Khá	2,51
37	Trương Chí Lập	5,5	5,8	5,9	7,3				4,6			TB	6,4	5,5	5																				

Số HS	Họ tên	LỚP 10											LỚP 11											LỚP 12											Điểm TNCĐ
		TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	
58	Trịnh Thùy Trang	6,5	6,2	5,4		6,1			6,8			Khá	6,1	6,2	7,3		7,4			7,5			Khá	6,8	5,9	5,6		6,8			7			Khá	3,24
59	Trương Văn Toàn	4,6	5,6	7,2		5,6	5,6	6,7	0	0		TB	5,5	5,7	6,8		5,9	5,8	6,7	0	0		TB	7,1	8	9,1		6,6	8,4	7,9	0	0		Khá	2,52
60	Đoàn Minh Hiếu	6,3	7,1	5,8					6,8			Khá	7	7,9	8					6,7			Khá	6,9	7,3	7,7					6,5			Khá	3,02
61	Lê Thị Huỳnh Như	8				6,9	9,3	8,8	7,9			Giỏi	8,6				7,4	8,9	8,3	7,4			Giỏi	9,7				7,6	8,3	8,4	5,8			Khá	3,23
62	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	7,6	6,4	5,5		6,9	7,2	7,9	5,5	0		Khá	6,5	6,8	5,6		7,4	8,2	8,7	5,7	0		Khá	6,5	7,1	6,5		7,8	7,6	7,5	6	0		Khá	2,62
64	Võ Thị Ngọc Thảo	8,2				7,5	8,5	8,4	6			Khá	8,8				8	9,3	9,1	7			Giỏi	9,2				9,4	8,9	8,8	8			Giỏi	3,6
66	Nguyễn Hải Đăng	5,5	5,4	6,7					5,7			TB	6,7	7,9	7,1					7			Khá	6,6	8,3	8,2					7,2			Khá	3,19
69	Nguyễn Hồng Thúy	8,3	9,5	8,5	9,2				8,5			Giỏi	7,7	9,4	8,7	9,6				8,8			Giỏi	7,8	9,3	8,5	9				8,3			Giỏi	3,56
70	Trần Thị Phương Thảo	6,5				5,7	8,7	8	6,1			Khá	6,9				6,6	8,1	7,1	6			Khá	8,1				6,6	9,4	9,4	7,8			Giỏi	2,27
71	Trần Thị Cẩm Tú	6,8	7	6,3		6,7			6,4			Khá	5,6	8	4,9		5,6			4,5			TB	7	7,7	7,7		6,5			6,3			Khá	3,04
72	Huỳnh Nguyễn Tuấn Anh	7,4	7,5	7,4		6,7			5,5			Khá	8,3	8,6	7,8		7,5			6,6			Giỏi	8,4	8,4	8,4		7,8			7,1			Giỏi	2,99
75	Nguyễn Tường Vy	9,4	9,4	9,6		7,3	8,8	8,5	7,7	0		Giỏi	8,5	8,2	7,9		7,5	9,6	8,5	8,2	0		Giỏi	8,6	8,6	8,1		7,5	8,2	7,8	7,4	0		Giỏi	3,06
77	Phạm Thị Thu Hiền	6,5	6,2	5,1		6,1			3,9			TB	5,6	5	4,5		6,6			5,5			Yếu	4,9	5,7	5		6,3			4,5			TB	2,88
78	Nguyễn Trần Thúy Vy	4,3	5,6	8,1		5,4			6,4			TB	6,3	6,2	6,6		5,7			5,5			TB	6,5	6,2	6,4		5,3			5,5			Khá	2,52
79	Lê Thị Ngọc Huyền	5,9	5,7	6,4		5,5			4,6			TB	4,5	4,9	4,7		6,4			4,6			TB	6,5	5,8	6,3		7,7			6,4			Khá	2,83
84	Trịnh Văn Phái	4,7		4,8	5,1				5			TB	5,3		5,4	7,7				3,9			TB	6,7		6,8	6,8				6,2			Khá	2,58
85	Nguyễn Hồng Trúc	4,5	4,5	4,4		5,6			4,2			TB	5,9	5,4	4,8		5,4			4,4			TB	6,8	5,5	7,3		5,1			5			Khá	2,21
87	Nguyễn Hồng Phúc Hậu	7,6	7,6	6		6,1			6,2			Khá	7	7,3	8,4		6,7			7,1			Khá	9,4	9,8	9,3		8,1			7,8			Giỏi	2,6
88	Nguyễn Tường Duy	5	6,7	6,8					5			TB	5,2	7,8	8,5					5,5			TB	7,2	7,7	7,1					5,5			Khá	3,18
90	Nguyễn Yến Hiền Thảo	8,1	8,1	7,5		5,3			8,3			Khá	8	7,4	7,7		7,3			8,2			Giỏi	8,4	8	8		7,7			7,2			Giỏi	3,28
91	Nguyễn Trà Mi	7,9	6	5		5			4,7			Khá	7,2	7,8	6,1		6			6,8			Khá	6,9	7,8	5,9		6,2			6,6			Khá	2,99
93	Huỳnh Thị Trúc Ly	8,7	9	8,6		7			8			Giỏi	7,4	8,4	7,9		8,3			8,7			Giỏi	8,3	9,1	8		8			8,7			Giỏi	3,56
95	Nguyễn Văn Bằng	5,1	6,1	6	6,9				4,4			TB	7,1	5,1	5,6	7				6			Khá	7,7	6,2	8,1	6,6				5,7			Khá	2,41
96	Đào Ngọc Mộng Cẩm	6,7	4,4	7,3		7,3	7,9	7,6	5	0		TB	6,4	5,1	6		7,1	7,6	7,2	5,2	0		Khá	7,9	5,7	7,1		7,1	7,4	8,6	6,4	0		Khá	2,72
97	Trần Thị Mai Trinh	8,1				8,4	8,3	9	7,9			Giỏi	8,3				8,1	7,4	7,9	7,7			Giỏi	7,6				8,4	6,9	8,1	7,8			Giỏi	2,83
100	Nguyễn Minh Việt	4,1	4,9	5,3					5,7			TB	4,1	4,1	3,1					3,8			Yếu	6,9	7,3	6,8					6,5			Khá	2,49
102	Dương Thanh Thảo	7,1	7,7	7,2		7,4			7,4			Khá	7,3	7,5	8		7,6			6,7			Khá	8,5	8,3	8,7		7,6			8			Giỏi	3,43
104	Đặng Duy Tâm	5,9	5,1	6,4					0			TB	6,5	6,2	6,4					0			TB	5	5,9	6,4					0			TB	2,21
106	Chế Thị Thúy Huỳnh	8,7				7,1	7,8	8,3	8			Giỏi	8				7,1	9,4	9,1	8,2			Giỏi	8,3				7,6	8	8,6	7,6			Giỏi	3,02
107	Nguyễn Thị Trúc Mai	9				7,7	7,4	8,8	8,4			Khá	8,1				7,7	7,7	9	8,8			Giỏi	8,3				7	8,1	8	7,5			Khá	3,22
111	Nguyễn Thị Thanh Mai	6				5,8	6,6	6,5	6,7			TB	6,6				6,5	7,4	7,3	6,8			Khá	7,7				7,3	7,9	7,5	6,7			Khá	2,78
115	Huỳnh Phạm Thảo Duy	6,1	6,7	5,7		7,1	7,5	7,2	9,2	0		Khá	6	5	6,4		6,9	7,8	7,3	8,2	0		Khá	7,4	6,6	6,7		7,6	7,7	7,3	9,1	0		Khá	2,84
116	Nguyễn Ngọc Thanh Tài	7,3	7,3	6,5		6,4			4,8			TB	6,5	6,5	5,1		6,9			5,3			Khá	7,9	6,7	6,9		7,2			6,2			Khá	2,54
117	Tôn Nữ Minh Anh	5,2				5,7	8,3	7,1	5,8			TB	6,8				5,7	7,3	7,1	6,5			Khá	6,5				5,6	6,3	7,6	6,9			Khá	2,73
118	Ngô Thị Hoàng Yến	6,1				6,2	7,1	5,8	6,3			TB	6,4				6,6	7,7	7,5	7,2			TB	5,9				6,8	6,3	7,2	5,7			TB	2,13
119	Trần Phạm Gia Khang	4,3				6	5,9	6,3	4,2			TB	5,4				6,4	5,9	8,5	6,5			TB	7				6,1	6,5	7,1	7,4			Khá	2,53
120	Lê Phúc Nguyên	6,1	7,1			7,7	9,6	8	7		6,7	Khá	6,8	7,5			7,3	8,7	6,9	8		8,2	Khá	6,9	7,1			7,1	8,4	7,2	6,8		8,5	Khá	3,24
122	Trần Kim Ngân	8,5				6,3	8,3	8,4	7,5			Khá	8,5				7,2	8,2	8,9	8			Khá	8				7	6,2	7,1	7,4			Khá	2,54
125	Nguyễn Thị Kim Yến	8,8				8,1	9	9	9,1			Giỏi	8,5				8,2	9	9	8,4			Giỏi	9,1				8,2	8,9	8,6	7,7			Giỏi	3,3
126	Trịnh Thị Thảo Vi	6,9				7	9,6	8,5	6,9			Khá	7,2				7,7	9,2	7,7	6,9			Khá	7,9				8	7,9	8,2	7,7			Giỏi	2,8
127	Trương Tú Quỳnh	6,6				6,7	8,3	7,6	6,3			Khá	8,3				7,5	6,7	8,4	5,7			Khá	8,3				7,3	7,2	8,1	6			Khá	2,14
128	Nguyễn Trịnh Châu Đoan	6,6				6,7	8,3	7,6	6,3			Khá	8,3				7,5	6,7	8,4	5,7			Khá	8,3				7,3	7,2	8,1	6			Khá	2,14
129	Nguyễn Thị Diễm Ngân	7,1	6,7	6,9		6,6			6,9	0		Khá	7,4	7,9	8,5		6,7			7,4	0		Khá	9,2	7,5	7,2		6,1			7,4	0		Khá	2,7
132	Nguyễn Quốc Huy	5,3	5,6	5,8					4,5			Yếu	4,2	6,2	5,4					6,2			TB	6,4	7,1	7,1					5,6			TB	2,6
133	Trần Hoàng Kha	6,6	6,2	5,4		5,8			5,4			TB	7,1	5,7	5		5,5			5,8			TB	7,1	6,1	6,8		5,9			6,2			Khá	2,59
135	Phạm Thảo Duy	8,2	8,2	7,6		8,2			7,6	0		Giỏi	6,9	7,8	7,7		8,5			7,6	0		Giỏi	9,2	7,8	7,1		9,1			7,6	0		Giỏi	8
138	Nguyễn Ngọc Ngân	9,2	8,5	7,8	9,2				7,7			Khá	8,6	8,7	9,3	9				8,8			Giỏi	8,6	8,8	8	8,7				7,3			Giỏi	3,18
139	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	4,2	5	4,5		7,3	7,7	6,4	5,6	0		TB	3,8	5	4		6,7	6,7	6	4,6	0		TB	5,8	5,2	5		7	6,2	7,2	5	0		TB	3,31
140	Hồ Châu Huỳnh Như	4,1	6,1	5,3		6,6	6	7,5	4,2	0		TB	4,3	5,7	5,1		7,4	6,2	7,1	6	0		TB	5,6	6,4	7		7,3	7,3	8	7,8	0		Khá	2,88
141	Nguyễn Võ Minh Trân	7				6,9	7,6	7,6	7,5			Khá	7,7				7	6,9	8,4	7,7			Khá	7				6,1	6,2	7,7	8,6			Khá	3,31
142	Nguyễn Hoàng Sĩ Đan	7,7				6	7,7	7,9	6,5			Khá	7,8				5,7	7,3	8,1	6,5			Khá	7,5				6,5	6,8	7,3	6,3			Khá	2,59

Số HS	Họ tên	LỚP 10											LỚP 11											LỚP 12											Điểm TNCĐ
		TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	TO	LI	HO	SI	VA	SU	DI	AV	PV	GD	HL	
143	Lâm Bé Thùy	4,7	5,4	4,8	5,6	5,2	5	5,9	5,2	0	7,4	TB	5	4,3	4,2	6	4,9	6,1	5,8	4,8	0	7,2	TB	5,7	5,9	6,5	7,3	5,9	7,2	7,3	5,5	0	6	TB	7,22
144	Phùng Quốc Nghi	5				5,9	5,7	7,1	6,6			TB	6,4				5,3	6,5	7,2	7,1			TB	6,5				3,8	5,2	6,4	6,2			TB	2,48
145	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	7,9				7,7	7,8	8,6	8,7			Khá	7,5				7,5	9,2	8,8	8,5			Khá	7,2				7,6	8,6	8,3	8,5			Khá	2,99
146	Nguyễn Thị Hồng Màng	5,8				5,9	7,5	6,5	7			TB	6,8				7,1	7,4	8,4	6			Khá	6,9				7,6	7,1	8	7,7			Khá	2,02
147	Mạch Nguyễn Hiếu Ngân	5	6,4	4,6		5,8			5			TB	6	6,8	5,8		6,7			5,5			Khá	6,6	5,9	6		7,1			5,7			Khá	2,57
148	Trương Ngọc Ngân	5,5	6,2	5,3		6,6			6,2			Khá	6,3	7,1	5,9		7,1			6,4			Khá	6,7	5,9	6		7,1			5,8			Khá	2,46
149	Lê Bá Thành	8,1	7,1	8,1		7,7			6,4			Khá	7,5	7,5	8		6,2			5,9			Khá	8	7,9	8,5		5,4			5,9			Khá	2,99
150	Phạm Quốc Khánh	6,2	8,2	5,7		6,3			6,3			TB	7,6	7,4	6,5		7,3			6,2			Khá	7,8	7,6	7,3		8,6			7,2			Giỏi	2,64
153	Trương Chí Lập	5,5	5,8	5,9	7,3				4,6			TB	6,4	5,5	5	6,9				5,3			Khá	6,9	7,1	6	6,1				5,7			Khá	2,68
154	Trần Xuân Hương	4,4				8,4	7,7	6,3	0			TB	3,8				6,9	6,3	7,4	0			TB	5,4				8,7	6,1	8,4	0			Khá	3,19
155	Nguyễn Thị Như Quỳnh	4,4	4,9	4,7		5,1			3,5			TB	5,5	5,4	4,8		6,3			6,3			TB	6,6	6,9	6,2		6,2			6,2			Khá	2,63
157	Huỳnh Phương Tường Vy	8				7,4	8,6	7,3	7,2			Khá	4,3				7,3	8,7	8,3	6,6			TB	6,1				7,5	7,4	7,9	6,9			Khá	2,32
160	Nguyễn Minh Trí	5,1				6,5	5,8	6,6	7,6			Khá	4,9				6,5	7,5	7,1	7,6			TB	7				7	7	7,1	7,5			Khá	3,24
162	Huỳnh Ngọc Hoàng Quyên	5,8				6	7,8	6,3	5,7			TB	4,9				5,9	5,8	5,9	6			TB	6,1				5,5	5,6	5,6	5,1			TB	2,51
164	Trần Ngọc Cát Tường	7,4				5,7	9	7,4	8			Khá	8,3				6,8	7,8	7,6	8,4			Giỏi	7,7				8,2	7,3	7,4	8,1			Giỏi	2,57
166	Lưu Nguyễn Ngọc Ánh	6,7				6,3	7,8	7,5	8,8			Khá	6,5				6,8	7,1	8,1	8,8			Khá	7,3				7,2	5,9	6,2	9,1			Khá	2,88
167	Mai Thị Ngọc Huyền	3,5	4,3	4,5		6	6,7	5,5	5,5	0		TB	5	4,7	3,6		5,3	6,4	5	5,4	0		TB	5,5	4,6	4,4		6,7	5,3	6,9	4,6	0		TB	2,62
169	Đinh Hoàng Thống	5,6	7	6,5					4,7			Khá	4,4	5,2	4,3					4,5			TB	4,2	5,5	5,7					3,8			TB	5,9
170	Trần Ngọc Cát Phượng	6	5,2	7,2		6,2			6,3			TB	7	4,7	5,5		6			5,4			TB	7	6,3	6,7		7,1			5,4			Khá	2,37
172	Võ Hữu Nghĩa	3,8	4,2	6,1					4,8			TB	5,4	6	5,2					5			TB	7,5	6,9	7,7					6,2			Khá	2,59
173	Huỳnh Đức Huy	5,7				5,8	6,5	5,5	5,5			TB	6,1				6,1	7,7	5,9	5,6			TB	7,5				5,8	7,9	9,3	6,8			Khá	255
174	Võ Thị Thiên Nhi	6,9	5,2	5,4		6,1			4,5			TB	5,4	7,8	5,2		6,1			5,9			TB	7,6	7,4	7,3		7,2			7			Khá	2,84
175	Nguyễn Thị Cẩm Tú	8,4	5,9	6,9		6,8			7,2			Khá	6,7	6,4	7,2		6,5			8,3			Khá	7,7	5,8	6		7,1			7,4			Khá	3,24
176	Phan Thị Thanh Tân	5,4	4,3	5,5		5,8			5			TB	4,9	5,6	6		6,6			5,6			TB	6	5,8	6		6,8			6,1			Khá	2,54
177	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	5,5	5,9	4,7		6,8	6,6	6,6	0	0		TB	5,1	5,9	6,4		6	7,4	7,1	0	0		TB	8,2	7,6	6,4		6,2	6,7	6,4	0	0		Khá	2,91
180	Trần Huy Càn	4,6	6,4	4,9		7,5			4,5			TB	5,3	6,4	5,6		6,9			4,6			TB	7,2	6	5,7		7			6,1			Khá	2,71
181	Huỳnh Kim Ngọc	7	6,9	7,5		7,5			5,6			Khá	5,2	6,8	6,7		8,2			7,1			Khá	6,5	7,1	6,4		8,1			7,8			Khá	2,56
182	Phan Thị Hồng Tuyền	6,6				6,4	7,6	8	8,6			Khá	6,6				7,2	9	8,1	8,8			Khá	8				7,3	7,4	8,2	9,1			Giỏi	2,53